

Ngày 15 tháng 03 năm 2023



**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
VÀ SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

Công ty cổ phần May Mặc Bình Dương

Mã chứng khoán: BDG

Trụ sở chính: Số 7/128 Khu phố Bình Đức 1, Phường Bình Hòa, Thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

Điện thoại: 0274.3755143 **Fax:** 0274.3755415

Người thực hiện công bố thông tin: Bà Nguyễn Minh Thùy

Loại thông tin công bố: ☐ 24h ☐ 72h ☐ Yêu cầu ☐ Bất thường ☒ Định kỳ

Nội dung thông tin công bố:

- Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2022 đã được kiểm toán.
- Giải trình lợi nhuận sau thuế tăng so với cùng kỳ.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 15 tháng 03 năm 2023 tại đường dẫn <http://www.protradegarment.com> (mục Quan hệ cổ đông – Thông tin tài chính).

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Người thực hiện công bố thông tin

Tài liệu đính kèm:

- Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2022 đã được kiểm toán.
- Công văn giải trình.

Nguyễn Minh Thùy

V/v: Giải trình nguyên nhân lợi nhuận sau thuế
Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2023 tăng 219%
so với cùng kỳ năm trước

Thuận An, ngày 15 tháng 03 năm 2023

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

- Tên công ty đăng ký giao dịch: **CÔNG TY CỔ PHẦN MAY MẶC BÌNH DƯƠNG**
- Địa chỉ trụ sở chính: Số 7/128 Khu phố Bình Đức 1, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.
- Điện thoại: 0274.3755143 Fax: 0274.3755415
Email: ngandtk@protradegarment.com

- Mã chứng khoán: **BDG**

Căn cứ Thông tư 196/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán ;

Căn cứ Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2022 của Công ty.

Công ty giải trình về mức tăng 219% lợi nhuận sau thuế so với cùng kỳ năm trước như sau:

Stt	Nội dung	Năm 2021	Năm 2022	Tăng	
				Số tiền	%
1	Lợi nhuận sau thuế	68.184.960.770	217.734.357.055	149.549.396.285	219%

Nguyên nhân:

Nguyên nhân chính làm tăng lợi nhuận của công ty so với cùng kỳ chủ yếu như sau:

Stt	Khoản mục	Năm 2021	Năm 2022	Tăng/giảm	Ghi chú
1	Doanh thu bán hàng	1.147.648.599.612	1.893.597.747.277	745.949.147.665	Doanh thu tăng do tăng sản lượng
2	Giá vốn	973.912.633.148	1.540.094.560.748	566.181.927.600	Giá vốn tăng do tăng sản lượng bán ra
3	Doanh thu hoạt động tài chính	12.951.379.334	68.002.341.640	55.050.962.306	Do lãi chênh lệch tỷ giá trong kỳ
4	Chi phí tài chính	5.959.022.227	52.491.181.203	46.532.158.976	Do lỗ chênh lệch tỷ giá trong kỳ



Stt	Khoản mục	Năm 2021	Năm 2022	Tăng/giảm	Ghi chú
5	Phần lãi/ lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	(11.503.279.099)	1.598.499	11.504.877.598	Do đạt được quyền kiểm soát nên công ty liên kết trở thành công ty con từ ngày 31/03/2022
6	Chi phí quản lý doanh nghiệp	59.647.083.903	67.927.628.096	8.280.544.193	Do hợp nhất thêm 1 công ty con

Công ty cổ phần May Mặc Bình Dương giải trình nguyên nhân tăng lợi nhuận như trên.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu

TỔNG GIÁM ĐỐC



Phan Thành Đức



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY MẶC BÌNH DƯƠNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

(đã được kiểm toán)



CÔNG TY CỔ PHẦN MAY MẶC BÌNH DƯƠNG

Số 7/128, Khu phố Bình Đức 1, Phường Bình Hòa, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	05 - 46
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	05 - 06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	08 - 09
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	10 - 46

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY MẶC BÌNH DƯƠNG

Số 7/128, Khu phố Bình Đức 1, Phường Bình Hòa, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương (tên tiếng Anh: Protrade Garment Joint Stock Company, tên viết tắt: Protrade Garment JSC) được chuyển đổi từ Công ty TNHH MTV May mặc Bình Dương theo Quyết định số 2147/QĐ-UBND ngày 21/08/2015 của UBND tỉnh Bình Dương. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 3700769438 ngày 01 tháng 12 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp. Đăng ký thay đổi lần thứ tư (04) ngày 27 tháng 01 năm 2022.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 7/128, Khu phố Bình Đức 1, Phường Bình Hòa, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn An Định	Chủ tịch
Bà Phạm Thị Vượng	Phó Chủ tịch
Ông Phan Thành Đức	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Trúc Thanh	Thành viên
Ông Nguyễn Xuân Quân	Thành viên
Ông Nguyễn Hồng Anh	Thành viên
Ông Nguyễn Vĩnh Bảo	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Phan Thành Đức	Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Trúc Thanh	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Lê Trọng Nghĩa	Trưởng ban	(Bổ nhiệm ngày 25/03/2022)
Ông Hứa Tuấn Cường	Thành viên	
Ông Nguyễn Mai Khánh Trình	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 31/07/2022)
Bà Huỳnh Thị Mỹ Hạnh	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 28/02/2022)

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính hợp nhất cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY MẶC BÌNH DƯƠNG

Số 7/128, Khu phố Bình Đức 1, Phường Bình Hòa, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính Hợp nhất.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 về quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Bình Dương, ngày 13 tháng 03 năm 2023

TM. Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc



Phan Thành Đức

Số: 130323.004 /BCTC.HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương được lập ngày 13 tháng 03 năm 2023, từ trang 05 đến trang 46, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 03 năm 2023



Ngô Minh Quý

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 2434-2023-002-1

Kiểm toán viên

Đào Trung Thành

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 4700-2019-002-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		802.131.446.097	703.624.522.714
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	04	167.291.649.573	34.488.184.772
111	1. Tiền		167.291.649.573	34.488.184.772
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	05	119.594.791.699	114.382.500.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		119.594.791.699	114.382.500.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		194.021.006.719	212.106.943.399
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	06	185.701.960.998	203.586.508.216
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	07	3.953.403.716	3.190.186.878
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	08	4.609.435.179	5.330.248.305
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(243.793.174)	-
140	IV. Hàng tồn kho	10	274.884.195.795	314.808.507.878
141	1. Hàng tồn kho		274.884.195.795	314.808.507.878
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		46.339.802.311	27.838.386.665
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	13	3.126.775.738	693.393.870
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		35.910.812.573	22.437.362.108
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	17	7.302.214.000	4.707.630.687
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		282.834.889.190	63.853.433.686
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		407.733.066	-
216	1. Phải thu dài hạn khác	08	407.733.066	-
220	II. Tài sản cố định		225.084.147.747	47.895.261.572
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	223.652.719.142	46.343.240.823
222	- Nguyên giá		518.712.576.609	266.770.807.815
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(295.059.857.467)	(220.427.566.992)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	1.431.428.605	1.552.020.749
228	- Nguyên giá		8.988.029.711	8.666.461.711
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(7.556.601.106)	(7.114.440.962)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		619.617.400	-
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		619.617.400	-
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	05	-	15.355.926.357
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		-	12.355.926.357
255	2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		-	3.000.000.000
260	VI. Tài sản dài hạn khác		56.723.390.977	602.245.757
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	36.156.876.922	602.245.757
269	2. Lợi thế thương mại	14	20.566.514.055	-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.084.966.335.287	767.477.956.400

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		557.648.875.830	443.388.194.005
310	I. Nợ ngắn hạn		433.740.701.181	432.259.379.277
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	16	141.740.002.828	142.959.710.866
313	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	45.995.566.070	3.044.090.427
314	3. Phải trả người lao động		74.006.302.839	73.472.819.571
315	4. Chi phí phải trả ngắn hạn	18	536.402.487	41.583.437
319	5. Phải trả ngắn hạn khác	19	4.999.302.874	1.302.449.033
320	6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	15	161.449.378.479	202.687.067.696
322	7. Quỹ khen thưởng phúc lợi		5.013.745.604	8.751.658.247
330	II. Nợ dài hạn		123.908.174.649	11.128.814.728
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	15	105.422.178.558	-
341	2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	33	18.485.996.091	11.128.814.728
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		527.317.459.457	324.089.762.395
410	I. Vốn chủ sở hữu	20	527.317.459.457	324.089.762.395
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		247.999.200.000	120.000.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		247.999.200.000	120.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		130.334.259	130.334.259
416	3. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		(1.135.037.967)	(1.135.037.967)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		-	89.160.538.502
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		257.214.754.162	115.899.251.543
421a	LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước		30.907.119.598	47.727.298.241
421b	LNST chưa phân phối kỳ này		226.307.634.564	68.171.953.302
429	6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		23.108.209.003	34.676.058
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.084.966.335.287	767.477.956.400

Người lập

Đoàn Thị Kim Ngân

Kế toán trưởng

Đoàn Thị Kim Ngân

Bình Dương, ngày 13 tháng 03 năm 2023

Tổng Giám đốc



Phan Thành Đức

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	22	1.893.992.071.077	1.149.852.280.946
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	23	394.323.800	2.203.681.334
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.893.597.747.277	1.147.648.599.612
11	4. Giá vốn hàng bán	24	1.540.094.560.748	973.912.633.148
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		353.503.186.529	173.735.966.464
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	25	68.002.341.640	12.951.379.334
22	7. Chi phí tài chính	26	52.491.181.203	5.959.022.227
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		16.140.684.263	2.617.210.077
24	8. Phần lãi/lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	27	1.598.499	(11.503.279.099)
25	9. Chi phí bán hàng	28	28.771.865.239	24.999.160.834
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	29	67.927.628.096	59.647.083.903
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		272.316.452.130	84.578.799.735
31	12. Thu nhập khác	30	10.866.433.570	4.717.105.335
32	13. Chi phí khác	31	3.510.183.709	133.710.388
40	14. Lợi nhuận khác		7.356.249.861	4.583.394.947
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		279.672.701.991	89.162.194.682
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	32	54.581.163.573	18.368.533.968
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	33	7.357.181.363	2.608.699.944
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		217.734.357.055	68.184.960.770
61	19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ		226.307.634.564	68.171.953.302
62	20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		(8.573.277.509)	13.007.468
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	34	8.487	2.501

Người lập

Đoàn Thị Kim Ngân

Kế toán trưởng

Đoàn Thị Kim Ngân

Bình Dương, ngày 13 tháng 03 năm 2023

Tổng Giám đốc



Phan Thanh Đức

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		279.672.701.991	89.162.194.682
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		34.568.998.454	20.340.103.559
03	- Các khoản dự phòng		243.793.174	-
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		5.623.866.818	81.885.581
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(19.037.062.511)	5.545.666.512
06	- Chi phí lãi vay		16.140.684.263	2.617.210.077
07	- Các khoản điều chỉnh khác		(862.952.134)	-
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		316.350.030.055	117.747.060.411
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		28.888.250.541	(94.109.073.938)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		52.928.139.815	(87.578.525.187)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(10.524.302.100)	9.276.082.806
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(1.774.235.815)	1.542.800.164
14	- Tiền lãi vay đã trả		(15.850.073.888)	(2.600.148.310)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(11.940.103.528)	(18.307.706.400)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(9.898.336.193)	(11.315.030.132)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		348.179.368.887	(85.344.540.586)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(41.631.362.250)	(11.173.619.177)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		4.090.009.022	157.850.525
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(134.909.791.699)	(34.547.500.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		132.697.500.000	34.547.500.000
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (*)		2.854.690.446	-
27	6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		5.829.691.624	5.691.176.488
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(31.069.262.857)	(5.324.592.164)

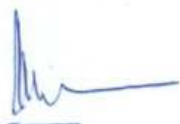
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	1. Tiền thu từ đi vay		1.641.533.446.994	1.051.077.757.921
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(1.792.987.679.505)	(950.648.152.875)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(30.000.000.000)	(50.391.676.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(181.454.232.511)	50.037.929.046
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		135.655.873.519	(40.631.203.704)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		34.488.184.772	73.628.764.980
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(2.852.408.718)	1.490.623.496
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	04	167.291.649.573	34.488.184.772

(*) Đây là số tiền thuần Công ty đã chi trong kỳ báo cáo để đạt được quyền kiểm soát tại Công ty Cổ phần Phát triển Thời Trang, được xác định bằng tổng số tiền Công ty chi ra mua thêm khoản đầu tư để đạt quyền kiểm soát công ty con trong kỳ báo cáo trừ đi (-) tổng số dư tiền mặt, tiền gửi ngân hàng của công ty con tại thời điểm mua. (Xem Thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 03).

Người lập



Đoàn Thị Kim Ngân

Kế toán trưởng



Đoàn Thị Kim Ngân

Bình Dương, ngày 13 tháng 03 năm 2023

Tổng Giám đốc



Phạm Thanh Đức

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương (tên tiếng Anh: Protrade Garment Joint Stock Company, tên viết tắt: Protrade Garment JSC) được chuyển đổi từ Công ty TNHH MTV May mặc Bình Dương theo Quyết định số 2147/QĐ-UBND ngày 21/08/2015 của UBND tỉnh Bình Dương. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 3700769438 ngày 01 tháng 12 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp. Đăng ký thay đổi lần thứ tư (04) ngày 27 tháng 01 năm 2022.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 7/128, Khu phố Bình Đức 1, Phường Bình Hòa, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 120.000.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 247.999.200.000 đồng; tương đương 24.799.920 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất và kinh doanh sản phẩm may mặc

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Sản xuất quần áo may sẵn;
- Sản xuất các đồ phụ trợ quần áo (cổ cồn đăng ten, thêu ren, thắt lưng);
- Mua bán hàng may thêu;
- Mua bán nguyên phụ liệu ngành may mặc;
- Kinh doanh dịch vụ wash (không hoạt động tại trụ sở).

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất:

Tình hình dịch Covid-19 tại Việt Nam được kiểm soát, Công ty từng bước ổn định sản xuất kinh doanh. Sản lượng sản xuất, tiêu thụ trong năm 2022 tăng trưởng tốt so với năm trước. Mặt khác trong năm Công ty tiếp tục góp thêm vốn vào Công ty Cổ phần Phát triển Thời Trang theo các Nghị quyết Hội đồng Quản trị và đạt được quyền kiểm soát tại Công ty này (Xem thêm thông tin tại Thuyết minh số 03), theo đó Công ty tiến hành hợp nhất kết quả kinh doanh của Công ty Cổ phần Phát triển Thời Trang cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2022 đến ngày 31/12/2022 vào Báo cáo Kết quả kinh doanh hp nhất. Điều này giúp kết quả kinh doanh năm 2022 của Công ty có nhiều cải thiện so với năm 2021. Cụ thể:

- Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ của Công ty trong năm 2022 đạt 1.893,598 tỷ đồng, tăng 745,949 tỷ đồng (tương đương tăng 65%) so với năm 2021.
- Lợi nhuận kế toán trước thuế đạt 279,673 tỷ đồng, tăng 190,511 tỷ đồng (tương đương tăng 213,67%) so với năm 2021.

Cấu trúc tập đoàn

Công ty có các công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2022 bao gồm:

STT	Tên Công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
1	Công ty Cổ phần Protrade Laundry ⁽¹⁾	Tỉnh Bình Dương	99,80%	99,80%	May mặc
2	Công ty Cổ phần Phát triển Thời trang ⁽²⁾	Tỉnh Bình Dương	65,38%	65,38%	Wash

⁽¹⁾ Căn cứ tờ trình số 13/TTr-TGD ngày 15/01/2021 về hoạt động của Công ty Cổ phần Protrade Laundry (Công ty con), Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần May Mặc Bình Dương đã thống nhất đóng của Công ty Cổ phần Protrade Laundry chậm nhất là ngày 30/06/2022 theo Nghị Quyết số 08/2021/NQ-HĐQT ngày 22/01/2021. Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Protrade Laundry cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 được lập trên cơ sở không đáp ứng giả định hoạt động liên tục theo quy định hiện hành.

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY MẶC BÌNH DƯƠNG

Số 7/128, Khu phố Bình Đức 1, Phường Bình Hòa,
Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Công ty Cổ phần Protrade Laundry đang tiến hành hoàn tất các thủ tục cần thiết liên quan đến việc chấm dứt hoạt động, giải quyết các nghĩa vụ và quyền lợi theo đúng quy định của pháp luật. Sau khi chấm dứt hoạt động, Công ty Cổ phần May Mặc Bình Dương sẽ kế thừa mọi quyền và nghĩa vụ (nếu có) của Công ty Cổ phần Protrade Laundry theo giá trị sổ sách, do đó Công ty không tiến hành đánh giá lại các tài sản và nợ phải trả tại Công ty Cổ phần Protrade Laundry khi lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

⁽²⁾ Ngày 05/07/2021, Hội đồng quản trị Công ty đã ban hành Nghị quyết số 18/2021/NQ-HĐQT về việc thông qua phương án mua cổ phần do Công ty Cổ phần Phát triển Thời Trang phát hành thêm với số lượng 6.000.000 cổ phần tương đương tổng mệnh giá 60.000.000.000 VND, giá phí 10.000 đồng/cổ phần. Tỷ lệ sở hữu của Công ty sau khi hoàn tất việc mua thêm số cổ phần nêu trên tăng từ 48,57% lên 64%.

Ngày 05/08/2022, Hội đồng quản trị Công ty đã ban hành Nghị quyết số 11A/NQ-HĐQT về việc thông qua chủ trương tiếp tục tăng tỷ lệ sở hữu của Công ty vào Công ty Cổ phần Phát triển Thời Trang từ 64% lên trên 65%. Đến thời điểm ngày 31/12/2022, Công ty đã hoàn tất việc góp thêm 8.000.000.000 VND tương đương với 800.000 cổ phần. Tỷ lệ sở hữu của Công ty sau khi hoàn tất việc mua thêm số cổ phần nêu trên tăng từ 64% lên 65,38%. (Xem thêm thông tin tại Thuyết minh số 38 và Thuyết minh số 39).

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty con do Công ty kiểm soát (công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Protrade Laundry cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 được lập trên cơ sở không đáp ứng giả định hoạt động liên tục.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính hợp nhất.

Giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn:

- Trước ngày Công ty đạt được quyền kiểm soát tại Công ty Cổ phần Phát triển Thời trang thì đây là công ty liên kết của Công ty. Tại thời điểm đạt được quyền kiểm soát, giá trị khoản đầu tư trước đây được Công ty đánh giá lại theo giá trị hợp lý và phần chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty.

Lãi, lỗ khi có sự thay đổi tỷ lệ sở hữu tại công ty con:

- Trường hợp công ty con huy động thêm vốn góp từ các chủ sở hữu: Khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất, công ty mẹ xác định và điều chỉnh lại sự biến động giữa phần sở hữu của mình và cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con tại thời điểm trước và sau khi huy động thêm vốn;

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

2.6 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

2.7 . Hợp nhất kinh doanh và Lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại hoặc lãi từ giao dịch mua rẻ được xác định là chênh lệch giữa giá phí khoản đầu tư và giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty con tại ngày mua do công ty mẹ nắm giữ (thời điểm công ty mẹ nắm giữ quyền kiểm soát công ty con). Lợi thế thương mại được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là 10 năm. Định kỳ Công ty sẽ đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong năm phát sinh.

2.8 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư vào công ty con mua trong kỳ được bên mua xác định ngày mua, giá phí khoản đầu tư và thực hiện thủ tục kế toán theo đúng quy định của Chuẩn mực kế toán "Hợp nhất kinh doanh".

Trong Báo cáo tài chính hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Tập đoàn không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không.

Đối với việc điều chỉnh giá trị khoản đầu tư vào công ty liên kết từ sau ngày đầu tư đến đầu kỳ báo cáo, Công ty thực hiện như sau:

- Đối với phần điều chỉnh vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của các kỳ trước, Công ty thực hiện điều chỉnh vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo số đã điều chỉnh lũy kế thuần đến đầu kỳ báo cáo.
- Đối với phần điều chỉnh do chênh lệch đánh giá lại tài sản và chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào Bảng cân đối kế toán hợp nhất của các kỳ trước, Công ty xác định điều chỉnh vào các khoản mục tương ứng trên Bảng cân đối kế toán theo số đã điều chỉnh lũy kế thuần.

Đối với việc điều chỉnh giá trị khoản đầu tư vào công ty liên kết phát sinh trong kỳ, Công ty thực hiện loại trừ phần cổ tức ưu đãi của các cổ đông khác (nếu có phiếu ưu đãi được phân loại là vốn chủ sở hữu); số dự kiến trích quỹ khen thưởng, phúc lợi của công ty liên kết; phần lãi liên quan tới giao dịch công ty liên kết góp vốn hoặc bán tài sản cho Công ty trước khi xác định phần sở hữu của Công ty trong lợi nhuận hoặc lỗ của công ty liên kết kỳ báo cáo. Sau đó Công ty thực hiện điều chỉnh giá trị khoản đầu tư tương ứng với phần sở hữu trong lãi, lỗ của công ty liên kết và ghi nhận ngay vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Tập đoàn. Các điều chỉnh thích hợp đã được ghi nhận để đảm bảo các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tập đoàn trong trường hợp cần thiết.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được lập vào thời điểm cuối kỳ căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.9 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính hợp nhất căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Tại Công ty Cổ phần Protrade Laundry, do giả định về hoạt động liên tục không còn phù hợp tại thời điểm 31/12/2022, do đó toàn bộ các khoản nợ phải thu được trình bày ngắn hạn. Việc trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi giảm trực tiếp vào giá trị ghi sổ của khoản công nợ phải thu đó.

2.10 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

Tại Công ty Cổ phần Protrade Laundry, do giá định về hoạt động liên tục không còn phù hợp tại thời điểm 31/12/2022, do đó việc trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi giảm trực tiếp vào giá trị ghi sổ của hàng tồn kho.

2.11 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 06 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08 năm
- Quyền sử dụng đất	20 năm
- Phần mềm quản lý	03 - 05 năm

Tại Công ty Cổ phần Protrade Laundry, do giá định về hoạt động liên tục không còn phù hợp tại thời điểm 31/12/2022, do đó việc tính khấu hao tài sản cố định được ghi giảm trực tiếp vào giá trị ghi sổ của tài sản cố định, không phản ánh hao mòn lũy kế.

2.12 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

2.13 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.14 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Công ty đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25/04/2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc đảm bảo cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất.
- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian tối đa không quá 03 năm.
- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng.

2.15 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

Tại Công ty Cổ phần Protrade Laundry, do giả định về hoạt động liên tục không còn phù hợp tại thời điểm 31/12/2022, do đó toàn bộ các khoản nợ phải trả được trình bày ngắn hạn.

2.16 . Các khoản vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.17 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.18 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như: chi phí thuê nhà xưởng, chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.19 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Chênh lệch đánh giá lại tài sản được phản ánh trong các trường hợp: khi có quyết định của Nhà nước về đánh giá lại tài sản, khi thực hiện cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước, và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY MẶC BÌNH DƯƠNG

Số 7/128, Khu phố Bình Đức 1, Phường Bình Hòa,
Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.20 . Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.21 . Các khoản giảm trừ doanh thu

Khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ là giảm giá hàng bán.

Khoản giảm giá hàng bán phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

2.22 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

2.23 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.24 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

- a) Chi phí thuế TNDN hiện hành và Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

b) Ưu đãi thuế tại Công ty Cổ phần Phát triển Thời Trang

Theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 6823227811 chứng nhận lần đầu ngày 09 tháng 02 năm 2018, chứng nhận thay đổi lần thứ nhất ngày 16 tháng 04 năm 2018 do Ủy Ban nhân dân tỉnh Bình Dương - Ban Quản lý các KCN Bình Dương cấp, công ty được hưởng ưu đãi về địa bàn ưu đãi đầu tư như sau: Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 02 (hai) năm và giảm 50% (năm mươi phần trăm) số thuế phải nộp trong 04 (bốn) năm tiếp theo đối với thu nhập từ thực hiện dự án đầu tư mới.

Thời gian miễn thuế, giảm thuế được tính liên tục từ năm đầu tiên Công ty có thu nhập chịu thuế từ dự án đầu tư mới được hưởng ưu đãi thuế. Trường hợp Công ty không có thu nhập chịu thuế trong ba năm đầu, kể từ năm đầu tiên có doanh thu từ dự án đầu tư mới thì thời gian miễn thuế, giảm thuế được tính từ năm thứ tư dự án đầu tư mới phát sinh doanh thu. Năm 2022 là năm thứ tư Công ty có doanh thu từ dự án đầu tư.

c) Thuế suất thuế TNDN hiện hành

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022, Công ty mẹ và các Công ty con được áp dụng các mức thuế suất thuế TNDN như sau:

- Tại Công ty mẹ: hiện đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN.
- Tại Công ty Cổ phần Phát triển Thời Trang: hiện đang được miễn thuế đối với hoạt động từ dự án đầu tư và đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động còn lại.
- Tại Công ty Cổ phần Protrade Laundry: được áp dụng theo mức thuế suất thuế TNDN là 15% trong suốt thời gian thực hiện dự án theo giấy phép cấp ngày 08/07/2002.

2.25 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

2.26 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.27 . Thông tin bộ phận

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty chủ yếu là sản xuất, gia công hàng may mặc xuất khẩu đi thị trường nước ngoài. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

3 . HỢP NHẤT KINH DOANH

Căn cứ theo Nghị quyết số 18/2021/NQ-HĐQT ngày 05/07/2021 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương về việc thông qua phương án mua cổ phần do Công ty Cổ phần Phát triển Thời trang, một Công ty cổ phần được thành lập theo Luật doanh nghiệp Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3702554519 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp lần đầu ngày 18/04/2017. Lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty Cổ phần Phát triển Thời trang là Sản xuất hàng may sẵn (trừ trang phục). Công ty Cổ phần Phát triển Thời trang là một trong số ít nhà máy Wash tại Việt Nam có hệ thống xử lý nước thải đạt chuẩn và trang bị máy móc thiết bị hiện đại sử dụng công nghệ thân thiện với môi trường. Theo đó, Công ty đầu tư thêm vào Công ty Cổ phần Phát triển Thời trang vì chiến lược đầu tư dài hạn của Công ty trong thời gian tới là tập trung vào công nghệ Wash vì đây là công đoạn chính tạo nên giá trị gia tăng và lợi thế cạnh tranh cho Công ty.

Vào ngày 31/03/2022, Công ty đã mua thêm 3.300.000 cổ phần với tổng giá trị 33.000.000.000 đồng. Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty sau khi mua thêm số cổ phần nêu trên tăng từ 48,57% lên 58,38%. Tại ngày này, Công ty Cổ phần Phát triển Thời trang trở thành công ty con của Công ty.

Lợi thế thương mại phát sinh từ việc hợp nhất kinh doanh như sau:

Diễn giải

Giá trị ghi sổ tại
thời điểm đạt được
quyền kiểm soát

Tài sản ngắn hạn	80.733.248.344
- Tiền	35.854.690.446
- Các khoản phải thu ngắn hạn	20.042.416.497
- Hàng tồn kho	11.171.431.026
- Chi phí trả trước ngắn hạn	360.472.427
- Thuế GTGT được khấu trừ	13.132.596.875
- Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	171.641.073
Tài sản dài hạn	207.220.554.965
- Các khoản phải thu dài hạn	407.733.066
- Tài sản cố định hữu hình (thuần)	168.690.191.280
- Tài sản cố định vô hình (thuần)	113.142.860
- Xây dựng cơ bản dở dang	323.786.262
- Chi phí trả trước dài hạn	35.853.304.791
- Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	1.832.396.706
Cộng Tài sản (A)	287.953.803.309
Nợ phải trả	
- Nợ phải trả ngắn hạn	42.988.638.820
- Nợ phải trả dài hạn	188.525.588.128
Cộng Nợ phải trả (B)	231.514.226.948

Tổng giá trị tài sản thuần (A - B)	56.439.576.361
Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	23.489.303.457
Tổng giá trị tài sản thuần tương ứng với lợi ích của Tập đoàn (58,38%)	32.950.272.904
Giá phí của khoản đầu tư của Công ty mẹ tại ngày đạt quyền kiểm soát	55.184.342.153
Trong đó	
- Giá trị hợp lý tại ngày đạt quyền kiểm soát của các khoản đầu tư phát sinh từ trước ngày đạt quyền kiểm soát	22.184.342.153
- Giá gốc của khoản đầu tư thêm tại ngày đạt quyền kiểm soát	33.000.000.000
Lợi thế thương mại tại ngày đạt quyền kiểm soát	22.234.069.249
Giá trị theo phương pháp Vốn chủ sở hữu tại ngày đạt quyền kiểm soát của các khoản đầu tư phát sinh từ trước ngày đạt quyền kiểm soát	11.384.937.090
Chênh lệch giữa giá trị hợp lý và giá trị theo phương pháp Vốn chủ sở hữu của khoản đầu tư phát sinh từ trước ngày đạt quyền kiểm soát công ty con	10.799.405.063

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Tiền mặt	449.976.167	607.299.185
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	166.841.673.406	33.880.885.587
	167.291.649.573	34.488.184.772

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn	119.594.791.699	-	114.382.500.000	-
- Tiền gửi có kỳ hạn ^(*)	119.594.791.699	-	114.382.500.000	-
Đầu tư dài hạn	-	-	3.000.000.000	-
- Tiền gửi có kỳ hạn	-	-	3.000.000.000	-
	119.594.791.699	-	117.382.500.000	-

^(*) Đây là các khoản tiền gửi có kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo được gửi tại các Ngân hàng thương mại với lãi suất từ 4,4%/năm đến 8,6%/năm. Trong đó, tổng số tiền gửi có kỳ hạn đang được dùng để đảm bảo cho các khoản vay với giá trị là 27.414.291.699 đồng. (Xem thêm thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 15).

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY MẶC BÌNH DƯƠNG

Số 7/128, Khu phố Bình Đức 1, Phường Bình Hòa, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**b) Đầu tư vào công ty liên kết**

	Địa chỉ	31/12/2022			01/01/2022		
		Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ sở hữu	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ sở hữu
		%	%	VND	%	%	VND
- Công ty Cổ phần Phát triển Thời trang (1)	Tỉnh Bình Dương			-	48,57	48,57	12.355.926.357
				<u>-</u>			<u>12.355.926.357</u>

(1) Ngày 05/07/2021, Hội đồng quản trị Công ty đã ban hành Nghị quyết số 18/2021/NQ-HĐQT về việc thông qua phương án mua cổ phần do Công ty Cổ phần Phát triển Thời Trang phát hành thêm với số lượng 6.000.000 cổ phần tương đương tổng mệnh giá 60.000.000.000 VND, giá phí 10.000 đồng/cổ phần. Đến thời điểm ngày 31/03/2022, Công ty đã mua thêm 3.300.000 cổ phần với tổng giá trị 33.000.000.000 đồng. Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty sau khi mua thêm số cổ phần nêu trên tăng từ 48,57% lên 58,38%.

Trong kỳ kế toán từ ngày 01/04/2022 đến ngày 31/12/2022, Công ty tiếp tục mua thêm 3.500.000 cổ phần với tổng giá trị 35.000.000.000 VND. Như vậy, đến thời điểm ngày 31/12/2022, Công ty đã hoàn tất việc mua thêm 6.800.000 cổ phần với tổng giá trị 68.000.000.000 đồng, tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty đến ngày 31/12/2022 là 65,38%.

(Xem thêm thông tin tại Thuyết minh số 03 và Thuyết minh số 38).

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY MẶC BÌNH DƯƠNG

Số 7/128, Khu phố Bình Đức 1, Phường Bình Hòa, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	31/12/2022			01/01/2022		
	Giá gốc	Dự phòng	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá gốc	Dự phòng	Tỷ lệ quyền biểu quyết
	VND	VND	%	VND	VND	%
- Công ty Cổ phần Y phục Doanh nhân ⁽²⁾	-	-	13,19	-	-	13,19
	-	-		-	-	

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

⁽²⁾ Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Y Phục Doanh nhân có giá trị bằng 0 đồng do Công ty đang ghi nhận giá trị của khoản đầu tư này theo giá trị đánh giá lại tại thời điểm cổ phần hóa. Tại thời điểm ngày 31/12/2022, Công ty này vẫn đang tạm ngưng hoạt động và có số lỗ lũy kế đã vượt giá trị vốn chủ sở hữu.

6 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Phải thu khách hàng là các bên khác				
- Rcrv Inc Dba Rock Revival	74.616.190.659	-	90.123.235.783	-
- Victory 2020, LLC (DBA Miss Me)	48.421.972.886	-	52.128.402.058	-
- Olymp Bezner Kg Hopfighemer	40.887.549.087	-	1.176.807	-
- Eunina Inc	9.456.990.216	-	11.327.853.249	-
- Pacific Sunwear of California Inc	4.337.707.427	-	37.737.570.560	-
- MGF Sourcing Far East, Limited	-	-	8.348.422.006	-
- Evolution 3 Limited	3.833.797.181	-	2.900.585.841	-
- Các khoản phải thu khách hàng khác	4.147.753.542	-	1.019.261.912	-
	185.701.960.998	-	203.586.508.216	-

7 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Trả trước cho người bán là các bên khác				
- Công ty TNHH Thương mại Xây dựng Dịch vụ Tiến Phát Tài	2.409.645.230	-	-	-
- Công ty TNHH Một Thành Viên Thương mại Và Du lịch Sài Gòn Sông Bé	611.296.043	-	319.379.775	-
- Gerber Scientific International Co., Ltd	154.580.640	-	1.461.008.000	-
- Able Leader Co., Ltd	-	-	546.504.192	-
- Chee Siang Industrial Co., Ltd	-	-	395.997.875	-
- Công ty TNHH PCCC Thanh Tùng	132.654.240	-	-	-
- Trả trước các đối tượng khác	645.227.563	-	467.297.036	-
	3.953.403.716	-	3.190.186.878	-

8 . PHẢI THU KHÁC

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
a.1) Chi tiết theo nội dung				
- Phải thu về tạm ứng	600.257.427	-	638.565.748	-
- Ký cược, ký quỹ	15.600.000	-	373.400.000	-
- Phải thu BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ	985.082.595	-	810.820.050	-
- Phải thu lãi tiền gửi ngân hàng	1.864.160.627	-	3.499.266.507	-
- Phải thu khác	1.144.334.530	(243.793.174)	8.196.000	-
	<u>4.609.435.179</u>	<u>(243.793.174)</u>	<u>5.330.248.305</u>	<u>-</u>
a.2) Chi tiết theo đối tượng				
Phải thu khác là các bên khác				
- Phải thu các Ngân hàng	1.864.160.627	-	3.499.266.507	-
- Thương mại lãi tiền gửi				
- Phải thu các đối tượng khác	2.745.274.552	(243.793.174)	1.830.981.798	-
	<u>4.609.435.179</u>	<u>(243.793.174)</u>	<u>5.330.248.305</u>	<u>-</u>
b) Dài hạn				
- Ký cược, ký quỹ	407.733.066	-	-	-
	<u>407.733.066</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>-</u>

9 .NỢ XẤU

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán, khó có khả năng thu hồi				
+ Công ty Cổ phần Đầu tư Xuất nhập khẩu Nam Việt	123.343.174	-	-	-
+ Các đối tượng khác	120.450.000	-	-	-
	243.793.174	-	-	-

10 .HÀNG TỒN KHO

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	13.605.739.192	-	1.332.942.828	-
Nguyên liệu, vật liệu	121.700.200.824	-	117.335.207.489	-
Công cụ, dụng cụ	2.785.855.156	-	542.846.260	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	121.387.154.178	-	138.981.358.364	-
Thành phẩm	8.723.388.740	-	56.616.152.937	-
Hàng hoá	9.900.757	-	-	-
Hàng gửi đi bán	6.671.956.948	-	-	-
	274.884.195.795	-	314.808.507.878	-

Trong đó:

Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm bổ sung các khoản vay là toàn bộ giá trị hàng hóa tồn kho luân chuyển của Công ty tại thời điểm 31/12/2022. (Xem thêm thông tin chi tiết tại Thuyết minh 15) .

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY MẶC BÌNH DƯƠNG

Số 7/128, Khu phố Bình Đức 1, Phường Bình Hòa, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

11 . TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá						
Số dư đầu kỳ	60.827.164.395	177.302.431.053	16.784.812.733	11.856.399.634	-	266.770.807.815
- Mua trong kỳ	-	38.429.466.580	2.000.641.807	96.500.000	-	40.526.608.387
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	663.354.725	-	-	-	-	663.354.725
- Tăng do đạt được quyền kiểm soát Công ty con	67.436.563.926	102.805.530.541	9.604.098.255	329.554.927	30.684.036.495	210.859.784.144
- Giảm khác (*)	-	(107.978.462)	-	-	-	(107.978.462)
- Phân loại lại	1.170.743.301	-	19.737.368.939	-	(20.908.112.240)	-
Số dư cuối kỳ	130.097.826.347	318.429.449.712	48.126.921.734	12.282.454.561	9.775.924.255	518.712.576.609
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu kỳ	54.517.259.990	142.631.520.352	12.722.175.190	10.556.611.460	-	220.427.566.992
- Khấu hao trong kỳ	4.259.851.529	23.950.242.454	1.967.251.777	630.987.034	1.654.364.817	32.462.697.611
- Tăng do đạt được quyền kiểm soát Công ty con	5.854.983.778	27.267.907.343	3.213.775.206	232.238.539	5.600.687.998	42.169.592.864
- Phân loại lại	377.344.413	-	4.987.235.921	-	(5.364.580.334)	-
Số dư cuối kỳ	65.009.439.710	193.849.670.149	22.890.438.094	11.419.837.033	1.890.472.481	295.059.857.467
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu kỳ	6.309.904.405	34.670.910.701	4.062.637.543	1.299.788.174	-	46.343.240.823
Tại ngày cuối kỳ	65.088.386.637	124.579.779.563	25.236.483.640	862.617.528	7.885.451.774	223.652.719.142

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối kỳ của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 151.768.237.585 VND.
- Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 56.992.306.014 VND

(*) Tại Công ty con - Công ty Cổ phần Protrade Laundry, do giá định về hoạt động liên tục không còn phù hợp tại thời điểm 31/12/2022, do đó việc tính khấu hao tài sản cố định được ghi giảm trực tiếp vào giá trị ghi sổ của tài sản cố định, không phản ánh hao mòn lũy kế tại thời điểm 31/12/2022. Trong kỳ, Công ty Cổ phần Protrade Laundry đã thanh lý toàn bộ tài sản cố định hữu hình để hoàn tất thủ tục giải thể theo Nghị Quyết số 08/2021/NQ-HDQT ngày 22/01/2021 của Hội đồng Quản trị Công ty.

12 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Giá trị quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ	530.000.000	8.136.461.711	8.666.461.711
- Mua trong kỳ	-	145.568.000	145.568.000
- Tăng do đạt được quyền kiểm soát Công ty con	-	176.000.000	176.000.000
Số dư cuối kỳ	530.000.000	8.458.029.711	8.988.029.711
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	530.000.000	6.584.440.962	7.114.440.962
- Khấu hao trong kỳ	-	379.303.004	379.303.004
- Tăng do đạt được quyền kiểm soát Công ty con	-	62.857.140	62.857.140
Số dư cuối kỳ	530.000.000	7.026.601.106	7.556.601.106
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu kỳ	-	1.552.020.749	1.552.020.749
Tại ngày cuối kỳ	-	1.431.428.605	1.431.428.605

Trong đó:

- Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 565.055.000 VND

(*) Tại Công ty con - Công ty Cổ phần Protrade Laundry, do giá định về hoạt động liên tục không còn phù hợp tại thời điểm 31/12/2022, do đó việc tính khấu hao tài sản cố định được ghi giảm trực tiếp vào giá trị ghi sổ của tài sản cố định, không phản ánh hao mòn lũy kế tại thời điểm 31/12/2022. Nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế đến thời điểm 31/12/2022 là 35.055.000 đồng.

13 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Ngắn hạn		
- Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	2.565.901.362	636.631.689
- Chi phí bảo hiểm tài sản	329.955.195	56.762.181
- Chi phí trả trước ngắn hạn khác	230.919.181	-
	3.126.775.738	693.393.870
Dài hạn		
- Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	1.624.237.548	602.245.757
- Chi phí tiền thuê đất (*)	34.351.092.502	-
- Chi phí trả trước dài hạn khác	181.546.872	-
	36.156.876.922	602.245.757

(*) Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 21a.

14 . LỢI THẺ THƯƠNG MẠI

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Nguyên giá		
Số dư đầu kỳ	17.249.004.784	17.249.004.784
- Giá trị lợi thẻ thương mại phát sinh trong kỳ ^(*)	22.234.069.249	-
Số dư cuối kỳ	39.483.074.033	17.249.004.784
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu kỳ	17.249.004.784	10.111.485.558
- Số phân bổ, tổn thất trong kỳ	1.667.555.194	7.137.519.226
Số dư cuối kỳ	18.916.559.978	17.249.004.784
Giá trị còn lại		
Số dư đầu kỳ	-	7.137.519.226
Số dư cuối kỳ	20.566.514.055	-

^(*) Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 03.

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY MẶC BÌNH DƯƠNG

Số 7/128, Khu phố Bình Đức 1, Phường Bình Hòa, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

15 . CÁC KHOẢN VAY

	01/01/2022		Trong kỳ			31/12/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Tăng do đạt được quyền kiểm soát Công ty con	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn							
Vay ngắn hạn	202.687.067.696	202.687.067.696	1.638.514.675.533	1.743.267.082.380	29.214.717.630	127.149.378.479	127.149.378.479
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	128.030.881.504	128.030.881.504	1.161.791.905.702	1.244.719.832.109	25.787.641.689	70.890.596.786	70.890.596.786
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương	60.096.706.192	60.096.706.192	424.516.361.535	432.129.473.001	-	52.483.594.726	52.483.594.726
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương	-	-	45.072.528.296	41.297.341.329	-	3.775.186.967	3.775.186.967
- Ngân hàng Chính sách Xã hội - Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương	14.559.480.000	14.559.480.000	7.133.880.000	25.120.435.941	3.427.075.941	-	-
Vay dài hạn đến hạn trả	-	-	27.500.000.000	31.000.000.000	37.800.000.000	34.300.000.000	34.300.000.000
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	-	-	27.500.000.000	31.000.000.000	37.800.000.000	34.300.000.000	34.300.000.000
	202.687.067.696	202.687.067.696	1.666.014.675.533	1.774.267.082.380	67.014.717.630	161.449.378.479	161.449.378.479
b) Vay dài hạn							
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	-	-	3.018.771.461	50.618.771.461	187.322.178.558	139.722.178.558	139.722.178.558
	-	-	3.018.771.461	50.618.771.461	187.322.178.558	139.722.178.558	139.722.178.558
Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	-	-	(27.500.000.000)	(31.000.000.000)	(37.800.000.000)	(34.300.000.000)	(34.300.000.000)
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng	-	-				105.422.178.558	105.422.178.558

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY MẶC BÌNH DƯƠNG

Số 7/128, Khu phố Bình Đức 1, Phường Bình Hòa, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

15 . CÁC KHOẢN VAY (Tiếp theo)

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

	Lãi suất	Thời hạn	Hình thức bảo đảm	Mục đích vay	31/12/2022	
					USD	VND
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh					922.804,98	70.890.596.786
- Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 21.4882177/2021-HĐCVHM/NHCT900-MMBD ngày 24/12/2021	Theo từng giấy nhận nợ	Đến ngày 30/04/2023	Máy móc thiết bị, hàng hóa tồn kho luân chuyển, nguồn thu luân chuyển (*)	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh hàng dệt may	922.804,98	21.928.083.805
- Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 21.3150006/2021/-HĐCVHM/NHCT900-PTTHOITRANG ngày 19/01/2021	Theo từng giấy nhận nợ	Theo từng giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 04 tháng	Quyền sử dụng đất thuộc Dự án nhà máy Wash ; Công trình trên đất hình thành trong tương lai thuộc dự án nhà máy Wash; Máy móc thiết bị hình thành trong tương lai thuộc dự án Nhà máy Wash; Phương tiện vận tải (*)	Phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh các sản phẩm may mặc		48.962.512.981
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương					2.211.698,05	52.483.594.726
- Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 005B22/HĐTD ngày 02/03/2022	Theo từng giấy nhận nợ	Đến ngày 01/01/2023	Tiền gửi có kỳ hạn, hàng hóa tồn kho luân chuyển và nguồn thu luân chuyển (*)	Phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	2.211.698,05	52.483.594.726
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương					159.391,47	3.775.186.967
- Hợp đồng tín dụng số 01/2022/4675359/HĐTD ngày 26/12/2022	Theo từng giấy nhận nợ	12 tháng	Cầm cố khoản tiền gửi tiết kiệm tại ngân hàng và thế chấp tài sản của Công ty (*)	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh, chiết khấu bộ chứng từ, bảo lãnh, mở L/C	159.391,47	3.775.186.967

(*) Các khoản vay tại ngân hàng đã được bảo đảm bằng các hợp đồng thế chấp tài sản với bên cho vay vốn và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định.

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY MẶC BÌNH DƯƠNG

Số 7/128, Khu phố Bình Đức 1, Phường Bình Hòa, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

15 . CÁC KHOẢN VAY (Tiếp theo)

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:

	Lãi suất	Thời hạn	Hình thức bảo đảm	Mục đích vay	31/12/2022	
					USD	VND
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh						
- Hợp đồng cho vay dự án số 18.211.0067/2018 -HDCVDADT-SĐBS09/NHCT900-PTTHOITRANG ngày 26/10/2021	Lãi suất ngày được điều chỉnh 03 tháng một lần hàng năm	96 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân khoản nợ đầu tiên;	Tài sản gắn liền trên đất thuộc Dự án, Máy móc thiết bị thuộc dự án (*)	Thanh toán chi phí đầu tư hợp pháp của Dự án xây dựng Nhà máy may mặc sản xuất Jean và phát triển thời trang quy mô 5,75 triệu sản phẩm/năm tại Lô số 20-8, Đường số 8B, KCN Quốc tế Protrade, xã An Tây, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương	139.722.178.558	
					139.722.178.558	
Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng					(34.300.000.000)	
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng					105.422.178.558	

(*) Các khoản vay tại ngân hàng đã được bảo đảm bằng các hợp đồng thế chấp tài sản với bên cho vay vốn và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định.

16 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Phải trả người bán là các bên liên quan	-	-	12.579.284.863	12.579.284.863
- Công ty Cổ phần Phát triển Thời trang	-	-	12.579.284.863	12.579.284.863
Phải trả người bán là các bên khác	141.740.002.828	141.740.002.828	130.380.426.003	130.380.426.003
- Olymp Bezner KG Hopfighemer	32.784.925.203	32.784.925.203	6.010.521.326	6.010.521.326
- Công ty Cổ phần May thuê Phát Đạt	16.808.518.669	16.808.518.669	20.593.587.001	20.593.587.001
- Công ty TNHH Dệt Tường Long	15.009.297.728	15.009.297.728	20.001.027.015	20.001.027.015
- Grandian Hong Kong Co., Ltd	9.546.532.534	9.546.532.534	7.802.786.454	7.802.786.454
- Sky Ahead Ltd	5.110.968.122	5.110.968.122	2.992.486.481	2.992.486.481
- Công ty Liên doanh Dệt nhuộm Việt Hồng	4.493.201.086	4.493.201.086	4.789.393.073	4.789.393.073
- Esquel Enterprises Limited	4.826.945.900	4.826.945.900	23.404.622	23.404.622
- Tee Corporation.	3.341.037.922	3.341.037.922	16.066.302.270	16.066.302.270
- Copen United Limited	2.150.637.350	2.150.637.350	6.643.547.745	6.643.547.745
- Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Long Quân	2.588.638.922	2.588.638.922	-	-
- Công ty TNHH Sơn Tùng	-	-	2.763.514.006	2.763.514.006
- Phải trả các đối tượng khác	45.079.299.392	45.079.299.392	42.693.856.010	42.693.856.010
	141.740.002.828	141.740.002.828	142.959.710.866	142.959.710.866

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY MẶC BÌNH DƯƠNG

Số 7/128, Khu phố Bình Đức 1, Phường Bình Hòa, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

17 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu kỳ	Số phải nộp đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Tăng do đạt được quyền kiểm soát Công ty con	Số phải thu cuối kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Thuế giá trị gia tăng	-	195.720.820	9.903.124.258	10.098.699.345	(145.733)	-	-
- Thuế xuất, nhập khẩu	4.707.630.687	-	6.272.049.317	8.695.137.290	-	7.130.718.660	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	2.573.315.626	54.581.163.573	11.940.103.528	(171.495.340)	171.495.340	45.214.375.671
- Thuế thu nhập cá nhân	-	152.162.655	4.731.565.132	4.821.391.127	684.017.974	-	746.354.634
- Các loại thuế khác	-	122.891.326	901.652.000	989.707.561	-	-	34.835.765
	4.707.630.687	3.044.090.427	76.389.554.280	36.545.038.851	512.376.901	7.302.214.000	45.995.566.070

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY MẶC BÌNH DƯƠNG
Số 7/128, Khu phố Bình Đức 1, Phường Bình Hòa,
Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

18 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	332.193.812	41.583.437
- Chi phí phải trả khác	204.208.675	-
	536.402.487	41.583.437

19 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Chi tiết theo nội dung		
- Kinh phí công đoàn	3.303.281.256	605.243.818
- Bảo hiểm xã hội	146.728.332	383.920.220
- Bảo hiểm y tế	268.059.987	270.316.016
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.281.233.299	42.968.979
	4.999.302.874	1.302.449.033

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY MẶC BÌNH DƯƠNG

Số 7/128, Khu phố Bình Đức 1, Phường Bình Hòa, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

20 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của Chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư tại ngày 01/01/2021	120.000.000.000	130.334.259	(1.135.037.967)	80.229.091.054	77.344.124.270	21.668.590	276.590.180.206
Lãi trong kỳ trước	-	-	-	-	68.171.953.302	13.007.468	68.184.960.770
Trích Quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	8.931.447.448	(8.931.447.448)	-	-
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(5.358.868.469)	-	(5.358.868.469)
Trích Quỹ khen thưởng ban điều hành	-	-	-	-	(1.786.289.490)	-	(1.786.289.490)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(12.000.000.000)	-	(12.000.000.000)
Giảm khác	-	-	-	-	(1.540.220.622)	-	(1.540.220.622)
Số dư tại ngày 31/12/2021	120.000.000.000	130.334.259	(1.135.037.967)	89.160.538.502	115.899.251.543	34.676.058	324.089.762.395
Số dư tại ngày 01/01/2022	120.000.000.000	130.334.259	(1.135.037.967)	89.160.538.502	115.899.251.543	34.676.058	324.089.762.395
Tăng vốn trong kỳ này ⁽¹⁾	127.999.200.000	-	-	(95.448.516.598)	(32.550.683.402)	-	-
Lãi trong kỳ này	-	-	-	-	226.307.634.564	(8.573.277.509)	217.734.357.055
Trích Quỹ đầu tư phát triển ⁽²⁾	-	-	-	6.287.978.096	(6.287.978.096)	-	-
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi ⁽²⁾	-	-	-	-	(5.528.036.273)	(3.589.467)	(5.531.625.740)
Trích Quỹ khen thưởng ban điều hành ⁽²⁾	-	-	-	-	(628.797.810)	-	(628.797.810)
Chia cổ tức ⁽²⁾	-	-	-	-	(30.000.000.000)	-	(30.000.000.000)
Điều chỉnh tăng phần sở hữu trong tài sản thuần của Công ty con tại ngày đạt quyền kiểm soát	-	-	-	-	-	23.489.303.457	23.489.303.457
Điều chỉnh do thay đổi tỷ lệ lợi ích tại Công ty con trong kỳ	-	-	-	-	(8.162.857.591)	8.162.857.591	-
Giảm khác	-	-	-	-	(1.833.778.773)	(1.761.127)	(1.835.539.900)
Số dư tại ngày 31/12/2022	247.999.200.000	130.334.259	(1.135.037.967)	-	257.214.754.162	23.108.209.003	527.317.459.457

(1) Căn cứ Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2022 số 01/NQ-ĐHĐCĐ/2022 ngày 25/03/2022, Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 06/NQ-HĐQT ngày 03/06/2022 và Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 11/NQ-HĐQT ngày 03/08/2022, Đại Hội đồng Cổ đông của Công ty đã thông qua phương án phát hành tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu và phương án phát hành cổ phiếu thưởng theo chương trình lựa chọn người lao động. Thông tin chi tiết như sau:

(1.1) Phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu:

- Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành tối đa: 12.200.000 cổ phiếu (tương đương tỷ lệ thực hiện quyền 60:61);
- Tổng giá trị phát hành theo mệnh giá: 122.000.000.000 VND;
- Mục đích phát hành: phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu;
- Đối tượng phát hành: cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách tại ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông. Ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền nhận cổ phiếu là 19/09/2022.

(1.2) Phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn người lao động trong Công ty (ESOP 2022):

- Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành: 600.000 cổ phiếu;
- Tổng giá trị phát hành theo mệnh giá: 6.000.000.000 VND;
- Mục đích phát hành: phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn người lao động trong Công ty;
- Đối tượng phát hành: cán bộ công nhân viên thuộc nhóm Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương và các Công ty con, Công ty liên kết.

(1.3) Nguồn vốn sử dụng để phát hành theo hai (02) phương án nêu trên:

- Quỹ đầu tư phát triển: căn cứ theo Báo cáo tài chính Công ty mẹ năm 2021 đã được kiểm toán và phần được phân phối từ lợi nhuận sau thuế năm 2021 theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2022 số 01/NQ-ĐHĐCĐ/2022 ngày 25/03/2022;
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối: căn cứ theo Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2021 đã được kiểm toán.

Ngày 22/09/2022, Công ty đã hoàn tất việc phát hành tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu và phát hành cổ phiếu thưởng theo chương trình lựa chọn người lao động. Thông tin chi tiết:

	Đơn vị tính	Trước khi phát hành	Phát hành bổ sung	Sau khi phát hành
- Số lượng cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	Cổ phiếu	12.000.000	12.799.920	24.799.920
- Vốn góp của chủ sở hữu	VND	120.000.000.000	127.999.200.000	247.999.200.000

Ngày 27/12/2022, Công ty đã nhận được Quyết định số 869/QĐ-SGDHN của Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội về việc chấp thuận thay đổi đăng ký giao dịch bổ sung đối với 12.799.920 cổ phiếu nêu trên.

(2) Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng Cổ đông thường niên năm 2022, Công ty mẹ và các Công ty con công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2021 như sau:

	Công ty mẹ (1)	Công ty con phân phối cho		Tổng cộng (3) = (1) + (2)
		Công ty mẹ (2)	Cổ đông không kiểm soát	
	VND	VND	VND	VND
Trích Quỹ đầu tư phát triển	6.287.978.096	-	-	6.287.978.096
Trích Quỹ thưởng Khen thưởng, phúc lợi	3.772.786.857	1.755.249.416	3.589.467	5.528.036.273
Trích Quỹ thưởng Ban điều hành	628.797.810	-	-	628.797.810
Chi trả cổ tức bằng tiền (25%/Vốn điều lệ)	30.000.000.000	-	-	30.000.000.000

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ %	Cuối kỳ VND	Tỷ lệ %	Đầu kỳ VND
- Tổng Công ty Sản xuất và Xuất nhập khẩu Bình Dương - Công ty Cổ phần	47,71	118.314.180.000	48,89	58.668.190.000
- Công ty TNHH Thương mại Việt Vương	39,02	96.775.800.000	39,99	47.988.000.000
- Cổ đông khác	13,27	32.909.220.000	11,12	13.343.810.000
	100	247.999.200.000	100	120.000.000.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu kỳ	120.000.000.000	120.000.000.000
- Vốn góp tăng trong kỳ	127.999.200.000	-
- Vốn góp cuối kỳ	247.999.200.000	120.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu kỳ	-	38.391.676.000
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong kỳ	30.000.000.000	12.000.000.000
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận các kỳ trước</i>	30.000.000.000	12.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền	30.000.000.000	50.391.676.000
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận các kỳ trước</i>	30.000.000.000	50.391.676.000
- Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối kỳ	-	-

d) Cổ phiếu

	31/12/2022	01/01/2022
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	24.799.920	12.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	24.799.920	12.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	24.799.920	12.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	24.799.920	12.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	24.799.920	12.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 đồng/cổ phần.		

e) Các quỹ của công ty

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Quỹ đầu tư phát triển	-	89.160.538.502
	-	89.160.538.502

21 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT HOẠT ĐỘNG

a) Tài sản thuê ngoài

Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương thuê tài sản gắn liền với đất là nhà xưởng và nhà ăn tập thể với Công ty TNHH MTV Đầu tư và Quản lý Dự án Bình Dương tại địa chỉ số 7/128 Khu Phố Bình Đức 1, Phường Bình Hòa, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương theo hợp đồng thuê hoạt động số 01-9/12 ngày 19/12/2018. Theo hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hằng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo thỏa thuận. Vào ngày 31/12/2022, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của hợp đồng thuê hoạt động tài sản không hủy ngang theo các thời hạn		
- Từ 1 năm trở xuống	1.423.285.573	1.423.285.573
- Trên 1 năm đến 5 năm	4.126.383.146	4.574.028.616
- Trên 5 năm	2.080.360.635	3.056.000.738
	7.630.029.354	9.053.314.927

Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương ký hợp đồng thuê đất với Công ty TNHH MTV Đầu tư và Quản lý Dự án Bình Dương tại số 7/128 Khu Phố Bình Đức 1, Phường Bình Hòa, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương theo hợp đồng thuê hoạt động số 02-9/12 ngày 19/12/2018 để sử dụng với mục đích làm nhà xưởng và nhà ăn tập thể cho nhân viên từ ngày 01/01/2018 đến hết ngày 31/12/2034. Diện tích khu đất thuê là 51.281,9 m². Theo hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất vào tháng 01 hằng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo thỏa thuận. Vào ngày 31/12/2022 các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của hợp đồng thuê hoạt động tài sản không hủy ngang theo các thời hạn		
- Từ 1 năm trở xuống	2.335.000.000	2.335.000.000
- Trên 1 năm đến 5 năm	9.642.500.000	9.540.000.000
- Trên 5 năm	20.545.300.000	21.815.300.000
	32.522.800.000	33.690.300.000

Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương ký hợp đồng thuê chung cư số 22/HĐ-IMPCO ngày 28/12/2022 với Công ty TNHH MTV Đầu tư và Quản lý dự án Bình Dương tại Khu phố Bình Đức 1, Phường Bình Hòa, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương theo để sử dụng với mục đích cho cán bộ nhân viên của công ty ở và sinh hoạt. Diện tích sử dụng là 7.510,68 m². Theo hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê hằng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo thỏa thuận.

Công ty Cổ phần Phát triển Thời Trang ký hợp đồng thuê đất số PICL/SLA.60 ngày 20/02/2018 với Công ty TNHH Một thành viên Quốc tế Protrade tại đường số 8B, số 7, Khu Công nghiệp Quốc tế Protrade, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương để sử dụng với mục đích xây dựng văn phòng, nhà xưởng từ năm 2018 đến năm 2057. Diện tích khu đất thuê là 49.227,2 m². Theo hợp đồng này, Công ty đã trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê.

Công ty Cổ phần Phát triển Thời Trang ký hợp đồng thuê toàn bộ căn hộ 15-26 Chung cư Happy One ngày 25/05/2021 với ông Nguyễn Hữu Tân (bên cho thuê) tại địa chỉ Phường Phú Hòa, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương để sử dụng với mục đích cho ông Appadoo Anish là nhân viên nước ngoài của Công ty ở và sinh hoạt. Diện tích sử dụng là 40 m². Theo hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê hàng tháng cho đến khi đáo hạn hợp đồng theo thỏa thuận.

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY MẶC BÌNH DƯƠNGSố 7/128, Khu phố Bình Đức 1, Phường Bình Hòa,
Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

b) Tài sản nhận giữ hộ

Chủng loại, quy cách	Đvt	31/12/2022		01/01/2022	
		Số lượng	Phẩm chất	Số lượng	Phẩm chất
Vải các loại	Yard	155.786,96	Bình thường	173.596,21	Bình thường

c) Ngoại tệ các loại

	31/12/2022	01/01/2022
Đô la Mỹ (USD)	5.413.710,04	1.035.740,29

22 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Doanh thu bán thành phẩm	1.847.278.878.375	1.004.081.873.959
Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công	43.373.597.935	142.969.040.579
Doanh thu bán nguyên liệu, phế liệu	3.339.594.767	2.801.366.408
	1.893.992.071.077	1.149.852.280.946

23 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Giảm giá hàng bán	394.323.800	2.203.681.334
	394.323.800	2.203.681.334

24 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Giá vốn thành phẩm đã bán	1.496.556.898.582	855.465.983.803
Giá vốn dịch vụ gia công	40.863.445.820	115.465.287.895
Giá vốn của nguyên liệu, phế liệu đã bán	2.674.216.346	2.981.361.450
	1.540.094.560.748	973.912.633.148
	-	92.999.156.286

Trong đó: Mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan
(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 40).

25 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	4.194.585.744	5.965.152.406
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	52.950.769.037	6.838.985.979
Lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán	57.581.796	147.240.949
Doanh thu hoạt động tài chính khác (*)	10.799.405.063	-
	68.002.341.640	12.951.379.334

(*) Đây là khoản chênh lệch giữa giá trị hợp lý và giá trị theo phương pháp vốn chủ sở hữu của khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Phát triển Thời Trang phát sinh trước ngày đạt quyền kiểm soát (Xem thêm thông tin tại Thuyết minh số 03).

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY MẶC BÌNH DƯƠNGSố 7/128, Khu phố Bình Đức 1, Phường Bình Hòa,
Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

26 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Lãi tiền vay	16.140.684.263	2.617.210.077
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	30.726.630.122	3.259.926.569
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	5.623.866.818	81.885.581
	52.491.181.203	5.959.022.227

27 . PHẦN LÃI/ LỖ TRONG CÔNG TY LIÊN DOANH, LIÊN KẾT

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Công ty Cổ phần Phát triển Thời trang (*)	1.598.499	(11.503.279.099)
	1.598.499	(11.503.279.099)

(*) Đến thời điểm 31/03/2022, Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương đã mua thêm 3.300.000 cổ phần với tổng giá trị 33.000.000.000 đồng. Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty sau khi mua thêm số cổ phần nêu trên tăng từ 48,57% lên 58,38%. Do đó, phần lãi trong công ty liên doanh liên kết trong kỳ này căn cứ theo Báo cáo Kết quả kinh doanh cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/03/2022 của Công ty Cổ phần Phát triển Thời Trang (Xem thêm thông tin Thuyết minh số 5b).

28 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, đồ dùng	5.625.272.581	4.157.206.209
Chi phí nhân công	748.431.150	-
Chi phí khấu hao tài sản cố định	34.732.224	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	22.250.799.100	20.841.954.625
Chi phí khác bằng tiền	112.630.184	-
	28.771.865.239	24.999.160.834

29 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, đồ dùng quản lý	869.366.797	756.069.536
Chi phí nhân công	50.294.604.637	43.473.707.180
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.550.225.711	1.162.436.482
Chi phí dự phòng	243.793.174	-
Thuế, phí, lệ phí	2.903.938.114	6.387.591.406
Phân bổ lợi thế thương mại	1.667.555.194	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.090.078.732	6.029.219.008
Chi phí khác bằng tiền	3.308.065.737	1.838.060.291
	67.927.628.096	59.647.083.903

30 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	4.041.473.205	22.780.000
Thu nhập từ bán phế liệu, thanh lý công cụ dụng cụ	165.633.134	77.156.363
Tiền hỗ trợ hàng mẫu	2.368.936.302	-
Tiền bồi thường nhận được	4.143.071.819	3.269.176.846
Thu nhập từ công nợ không phải trả	-	775.986.756
Thu nhập khác	147.319.110	572.005.370
	10.866.433.570	4.717.105.335
Trong đó: Thu nhập khác nhận từ các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 40).	-	1.449.520.325

31 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Giá trị còn lại và chi phí từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	-	30.319.819
Giá trị còn lại và chi phí thanh lý vật tư	2.172.964.152	-
Các khoản bị phạt, truy thu	161.595.215	101.969.288
Chi phí khác	1.175.624.342	1.421.281
	3.510.183.709	133.710.388

32 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty mẹ	53.364.215.232	17.243.770.591
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty con	1.216.948.341	1.124.763.377
- Công ty Cổ phần Phát triển Thời Trang	-	-
- Công ty Cổ phần Protrade Laundry	1.216.948.341	1.124.763.377
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	54.581.163.573	18.368.533.968

33 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOÀN LẠI

a) Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
- Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập hoãn lại phải trả	20%	20%
- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	18.485.996.091	11.128.814.728
	18.485.996.091	11.128.814.728

b) Chi phí thuế TNDN hoãn lại

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
- Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	7.357.181.363	2.608.699.944
	7.357.181.363	2.608.699.944

34 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	226.307.634.564	68.171.953.302
Các khoản điều chỉnh	(15.841.534.419)	(6.156.834.083)
- <i>Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành</i> ⁽¹⁾	(15.841.534.419)	(6.156.834.083)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	210.466.100.145	62.015.119.219
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ ⁽²⁾	24.799.920	24.799.920
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	8.487	2.501

^(1.1) Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2022 số 01/NQ-ĐHĐCĐ/2022 ngày 25 tháng 03 năm 2022, Công ty mẹ dự kiến trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận năm 2022 với tỷ lệ như sau:

- Quỹ khen thưởng bằng 6% của Lợi nhuận sau thuế;
- Quỹ khen thưởng Ban điều hành bằng 1% của Lợi nhuận sau thuế;

^(1.2) Như đã trình bày tại Thuyết minh số 20, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông tại Công ty mẹ và các Công ty con đã thông qua phương án trích Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành từ Lợi nhuận sau thuế năm 2021 của các Công ty, dẫn đến việc trình bày lại lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 trên báo cáo tài chính hợp nhất, cụ thể như sau:

	Năm 2021	
	Số đã báo cáo	Số trình bày lại
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	68.171.953.302	68.171.953.302
Các khoản điều chỉnh	(4.772.036.731)	(6.156.834.083)
- <i>Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành</i>	(4.772.036.731)	(6.156.834.083)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	63.399.916.571	62.015.119.219
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ ⁽²⁾	12.000.000	24.799.920
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	5.283	2.501

⁽²⁾ Số Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ được điều chỉnh hồi tố theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 - Lãi trên Cổ phiếu. (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 20.(1)).

Tại ngày 31/12/2022, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

35 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, đồ dùng	863.334.123.336	582.440.302.681
Chi phí nhân công	382.246.035.587	260.309.623.572
Chi phí khấu hao tài sản cố định	32.901.443.260	20.340.103.559
Chi phí dịch vụ mua ngoài	271.085.368.163	273.364.937.372
Chi phí khác bằng tiền	7.859.615.919	7.330.602.511
Chi phí dự phòng	243.793.174	-
	1.557.670.379.439	1.143.785.569.695

36 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro tài chính

Các loại rủi ro tài chính của Công ty có thể gặp phải bao gồm: rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Công ty có thể sẽ gặp phải các rủi ro thị trường như: biến động tỷ giá hối đoái, lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá khi có các giao dịch thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam như: vay, doanh thu, chi phí, nhập khẩu nguyên vật liệu, hàng hóa, máy móc thiết bị...

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2022				
Tiền	167.291.649.573	-	-	167.291.649.573
Phải thu khách hàng, phải thu khác	190.067.603.003	407.733.066	-	190.475.336.069
Các khoản cho vay	119.594.791.699	-	-	119.594.791.699
	476.954.044.275	407.733.066	-	477.361.777.341
Tại ngày 01/01/2022				
Tiền	34.488.184.772	-	-	34.488.184.772
Phải thu khách hàng, phải thu khác	208.916.756.521	-	-	208.916.756.521
Các khoản cho vay	114.382.500.000	3.000.000.000	-	117.382.500.000
	357.787.441.293	3.000.000.000	-	360.787.441.293

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2022				
Các khoản vay	161.449.378.479	105.422.178.558	-	266.871.557.037
Phải trả người bán, phải trả khác	146.739.305.702	-	-	146.739.305.702
Chi phí phải trả	536.402.487	-	-	536.402.487
	308.725.086.668	105.422.178.558	-	414.147.265.226
Tại ngày 01/01/2022				
Các khoản vay	202.687.067.696	-	-	202.687.067.696
Phải trả người bán, phải trả khác	144.262.159.899	-	-	144.262.159.899
Chi phí phải trả	41.583.437	-	-	41.583.437
	346.990.811.032	-	-	346.990.811.032

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

37. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
a) Số tiền đi vay thực thu trong kỳ		
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	1.641.533.446.994	1.051.077.757.921
b) Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ		
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	1.792.987.679.505	950.648.152.875

38 . THÔNG TIN KHÁC

Ngày 15/11/2022, Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Phát triển Thời Trang đã ban hành Nghị quyết số 04/NQ-HĐQT về việc thông qua phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ thực hiện quyền mua. Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành là 3.000.000 cổ phiếu, giá chào bán 10.000 VND/cổ phiếu. Vốn điều lệ và số lượng cổ phiếu dự kiến sau khi phát hành thành công là 230.000.000.000 VND tương đương 23.000.000 cổ phiếu.

Ngày 15/12/2022, Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương đã đăng ký quyền mua 1.920.000 cổ phiếu với giá trị 19.200.000.000 VND (căn cứ theo tỷ lệ sở hữu của Công ty tại Công ty Cổ phần Phát triển Thời Trang là 64%).

Do các cổ đông khác không thực hiện quyền mua của mình nên Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương đã đề xuất mua thêm 1.080.000 cổ phiếu tương đương 10.800.000.000 VND theo phiếu đăng ký mua cổ phần ngày 16/12/2022 với Công ty Cổ phần Phát triển Thời Trang, dự kiến sẽ chuyển tiền để mua số lượng cổ phiếu nêu trên trễ nhất là ngày 28/02/2023.

Ngày 30/12/2022, Công ty đã chuyển 8.000.000.000 VND (đợt 1) để mua 800.000 cổ phiếu, tăng tỷ lệ sở hữu của Công ty tại Công ty Cổ phần Phát triển Thời Trang từ 64% lên 65,38%.

Ngày 30/12/2022, Hội đồng quản trị Công ty cũng đã ban hành Nghị quyết số 23/NQ-HĐQT về việc thông qua chủ trương mua lại 3.500.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Phát triển Thời Trang do Công ty TNHH Phát triển chào bán. Đến thời điểm hiện tại, Công ty vẫn đang lập phương án chi tiết.

39 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Theo cam kết mua cổ phiếu như đã đăng ký tại ngày 15/12/2022 và ngày 16/02/2022, Công ty tiếp tục góp vốn đợt 2 và đợt 3 để tăng tỷ lệ sở hữu của Công ty tại Công ty Cổ phần Phát triển Thời Trang. Cụ thể như sau:

- Ngày 06/01/2023, Công ty đã chuyển 11.200.000.000 VND (đợt 2) để mua 1.120.000 cổ phiếu còn lại theo phiếu đăng ký mua ngày 15/12/2022.
- Ngày 28/02/2023, Công ty tiếp tục chuyển 10.800.000.000 VND (đợt 3) để mua 1.080.000 cổ phiếu theo phiếu đăng ký mua ngày 16/12/2022.

Như vậy đến thời điểm 28/02/2023, Công ty đã hoàn tất việc mua 3.000.000 cổ phiếu (theo 3 đợt) như đã đăng ký. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Công ty sau khi hoàn tất việc mua thêm tăng từ 65,38% lên 68,70%.

Ngoài các sự kiện nêu trên, không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất này.

40 . NGHIỆP VỤ VÀ SỞ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty Sản xuất và Xuất nhập khẩu Bình Dương - Công ty Cổ phần	Cổ đông lớn có ảnh hưởng đáng kể
Công ty TNHH Thương Mại Việt Vương	Cổ đông lớn có ảnh hưởng đáng kể
Công ty TNHH Sản xuất - Thương mại - Dịch vụ Phú Hưng	Doanh nghiệp do chồng của thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Công ty là Giám đốc
Công ty TNHH MTV Quốc tế Protrade	Doanh nghiệp do ông Nguyễn Anh Định làm Chủ tịch HĐQT
Công ty TNHH Sân Golf Palm Sông Bé	Doanh nghiệp do ông Nguyễn Anh Định làm Chủ tịch HĐQT
Công ty Cổ phần Cao su Dầu Tiếng Việt Lào	Doanh nghiệp do ông Nguyễn Anh Định làm Chủ tịch HĐQT
Công ty Cổ phần Đầu Tư & Phát Triển Tân Thành	Doanh nghiệp do ông Nguyễn Anh Định làm Chủ tịch HĐQT
Công ty TNHH FrieslandCampina Việt Nam	Doanh nghiệp do ông Nguyễn Anh Định làm Chủ tịch HĐQT

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong kỳ với các bên liên quan như sau:

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Mua hàng hóa, dịch vụ	-	92.999.156.286
- Công ty TNHH Sản xuất - Thương mại - Dịch vụ Phú Hưng	-	2.736.304.251
- Công ty Cổ phần Phát triển Thời trang	-	90.262.852.035
Chi trả cổ tức	23.667.047.500	10.665.619.000
- Tổng Công ty Sản xuất và Xuất nhập khẩu Bình Dương - Công ty Cổ phần	14.667.047.500	5.866.819.000
- Công ty TNHH Thương Mại Việt Vương	9.000.000.000	4.798.800.000
Tiền bồi thường	-	1.449.520.325
- Công ty Cổ phần Phát triển Thời trang	-	1.449.520.325

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Thu nhập tại Công ty mẹ	
		Năm 2022	Năm 2021
		VND	VND
- Ông Nguyễn An Định	Chủ tịch Hội đồng quản trị	407.083.000	316.558.000
- Bà Phạm Thị Vượng	Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị	305.313.000	474.837.000
- Ông Nguyễn Hồng Anh	Thành viên Hội đồng quản trị	361.294.000	158.279.000
- Ông Nguyễn Vĩnh Bảo	Thành viên Hội đồng quản trị	203.542.000	158.279.000
- Ông Nguyễn Xuân Quân	Thành viên Hội đồng quản trị (Bổ nhiệm ngày 24/06/2021)	1.075.357.354	491.215.422
- Ông Lý Thanh Châu	Thành viên Hội đồng quản trị (Miễn nhiệm ngày 24/06/2021)	-	158.279.000
- Ông Võ Hồng Cường	Chủ tịch Hội đồng quản trị (Miễn nhiệm ngày 20/06/2020)	-	316.558.000
- Ông Trần Nguyên Vũ	Thành viên Hội đồng quản trị (Miễn nhiệm ngày 20/06/2020)	-	79.140.000
- Ông Phan Thành Đức	Thành viên Hội đồng quản trị Tổng Giám đốc	2.116.706.714	2.038.296.508
- Bà Nguyễn Thị Trúc Thanh	Thành viên Hội đồng quản trị Phó Tổng Giám đốc	1.904.769.600	1.634.649.711
- Ông Hứa Tuấn Cường	Thành viên Ban kiểm soát	188.640.000	267.944.000
- Ông Nguyễn Mai Khánh Trinh	Thành viên Ban kiểm soát (Miễn nhiệm ngày 31/07/2022)	125.760.000	178.629.000
- Bà Huỳnh Thị Mỹ Hạnh	Thành viên Ban kiểm soát (Miễn nhiệm ngày 28/02/2022)	125.760.000	89.315.000
- Bà Nguyễn Minh Thủy	Thành viên Ban kiểm soát (Miễn nhiệm ngày 20/06/2020)	-	89.315.000

Ngoài các giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong kỳ và không có số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY MẶC BÌNH DƯƠNG
Số 7/128, Khu phố Bình Đức 1, Phường Bình Hòa,
Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

41 . SỔ LIỆU SO SÁNH

Sổ liệu so sánh là sổ liệu của Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

Người lập



Đoàn Thị Kim Ngân

Kế toán trưởng



Đoàn Thị Kim Ngân

Bình Dương, ngày 13 tháng 03 năm 2023
Tổng Giám đốc

Phạm Thành Đức

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY MẶC BÌNH DƯƠNG